Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2202.91.00

Mã HS	2202.91.00
Mô tả hàng hóa	Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác hoặc hương liệu, và đồ uống không chứa cồn khác, không bao gồm nước quả ép, nước ép từ quả hạch (nut) hoặc nước rau ép thuộc nhóm 20.09 / - Loại khác: / - - Bia không cồn
Đơn vị	lít/kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 06:52:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/22029100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2755
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2755
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL2		BT2026!Q2755
Thuế tiêu thụ đặc biệt	65	65%	66/2025/QH15	2025-06-14	BT2026!CG2755
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2733
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2694
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2694
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2694
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2694
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2694
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2694
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E2732
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2732
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2732
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2732
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2732
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2736
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2736
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2736
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2736
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2736
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2736
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2736
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2700
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2696
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2696
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2696
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2696
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2696
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2696
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2696
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2696
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2696
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2696
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2696
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2696
VCFTA	2022	2022	6	VC!D2743
VCFTA	2023	2023	3	VC!E2743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2743
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2743
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2743
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2743
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2740
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2740
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2740
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2740
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2740
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2740
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D2748
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E2748
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F2748
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G2748
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H2748
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2748
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D2719
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E2719
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F2719
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G2719
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H2719
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2719
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D2721
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E2721
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F2721
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G2721

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H2721
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2721
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	12	CPTPP!D2715
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	8	CPTPP!E2715
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	4	CPTPP!F2715
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2715
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2715
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2715
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2715
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D2740
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E2740
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F2740
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G2740
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H2740
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I2740
RCEP B	2022	2022	18	B!D2740
RCEP B	2023	2023	16	B!E2740
RCEP B	2024	2024	14	B!F2740
RCEP B	2025	2025	12	B!G2740
RCEP B	2026	2026	10	B!H2740
RCEP B	2027	2027	8	B!I2740
RCEP C	2022	2022	18	C!D2740
RCEP C	2023	2023	16	C!E2740
RCEP C	2024	2024	14	C!F2740
RCEP C	2025	2025	12	C!G2740
RCEP C	2026	2026	10	C!H2740

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I2740
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D2740
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E2740
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F2740
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G2740
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H2740
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I2740
RCEP E	2022	2022	18	E!D2743
RCEP E	2023	2023	16	E!E2743
RCEP E	2024	2024	14	E!F2743
RCEP E	2025	2025	12	E!G2743
RCEP E	2026	2026	10	E!H2743
RCEP E	2027	2027	8	E!I2743
RCEP F	2022	2022	18	F!D2740
RCEP F	2023	2023	16	F!E2740
RCEP F	2024	2024	14	F!F2740
RCEP F	2025	2025	12	F!G2740
RCEP F	2026	2026	10	F!H2740
RCEP F	2027	2027	8	F!I2740
VIFTA	2024	2024	18	VI!F2557
VIFTA	2025	2025	16	VI!G2557
VIFTA	2026	2026	14	VI!H2557
VIFTA	2027	2027	12	VI!I2557

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL2: Bia theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;		174/2025/NĐ-CP - PL2	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-002	YELLOW	Chịu thuế tiêu thụ đặc biệt	Cột TTĐB ghi “65”.		66/2025/QH15	Xác định mức thuế TTĐB theo Biểu thuế TTĐB 2026 (Luật 66/2025/QH15).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2202.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 2202.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2755), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.